

Phụ lục số III
Bảng giá đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp

STT	Tên khu, cụm công nghiệp	Giá đất	Giá đất
I	Khu Công nghiệp		
1	Khu công nghiệp Đông Phố Mới	580.000	580
2	Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải	580.000	580
3	Khu công nghiệp Tăng Loòng	400.000	400
4	Khu công nghiệp Bản Qua (trong Khu kinh tế cửa khẩu)	200.000	200
5	Khu công nghiệp Cốc Mỹ-Trịnh Tường	150.000	150
6	Khu công nghiệp Cam Cọn	150.000	150
7	Khu công nghiệp Võ Lao (giai đoạn 1)	150.000	150
8	Khu Công nghiệp Âu Lâu	260.000	260
9	Khu công nghiệp Phía Nam	450.000	450
10	Khu công nghiệp Minh Quân	280.000	280
11	Khu công nghiệp Trần Yên	280.000	280
12	Khu công nghiệp Mông Sơn	280.000	280
II	Cụm Công nghiệp		
1	Cụm công nghiệp Đông Phố Mới	580.000	580
2	Cụm công nghiệp Bắc Duyên Hải	580.000	580
3	Cụm công nghiệp Sơn Mãn - Vạn Hòa	580.000	580
4	Cụm công nghiệp Thống Nhất 1	200.000	200
5	Cụm công nghiệp Thống Nhất 2	200.000	200
6	Cụm công nghiệp Thống Nhất 3	200.000	200
8	Cụm công nghiệp Thị trấn Phố Lu	150.000	150
9	Cụm công nghiệp Trà Trầu (tại xã Sơn Hà)	150.000	150
10	Cụm công nghiệp Phố Ràng	150.000	150
11	Cụm công nghiệp Bảo Hà	150.000	150
12	Cụm công nghiệp Bát Xát	150.000	150
13	Cụm công nghiệp Bắc Hà	100.000	100
14	Cụm công nghiệp thị trấn Mường Khương	100.000	100
15	Cụm công nghiệp Trung Chải	100.000	100
16	Cụm công nghiệp Si Ma Cai	100.000	100
17	Cụm công nghiệp Khánh Yên Thượng	100.000	100
18	Cụm công nghiệp Bản Phùng	100.000	100
19	Cụm công nghiệp Tân Thượng	100.000	100
20	Cụm công nghiệp Hòa Mạc	100.000	100
21	Cụm công nghiệp Bắc Văn Yên	350.000	350
22	Cụm Công nghiệp Âu Lâu	100.000	100
23	Cụm công nghiệp Mông Sơn	60.000	60
24	Cụm công nghiệp Thịnh Hưng	100.000	100
25	Cụm công nghiệp Yên Thế	100.000	100
26	Cụm công nghiệp Đông An	100.000	100